

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1751/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 09 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực
hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện,
UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục
hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành
chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng,
Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục
hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư
pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch
thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước thuộc phạm vi chức năng quản
lý của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1801/TTr-STP ngày
24/9/2020 và ý kiến của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Báo cáo số
75/BC-VPUB ngày 09/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính
sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở
Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận:

- Phụ lục I: Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực
hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp (01 thủ tục hành
chính);



- Phụ lục II: Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện (16 thủ tục hành chính);

- Phụ lục III: Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã (17 thủ tục hành chính).

Điều 2. Giao Sở Tư pháp căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

- Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết, công khai thực hiện;

- Rà soát Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

- Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 02/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Thủ tục hành chính số 01 tại mục A – Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Thủ tục hành chính tại mục A, Phần I – Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP); (b/c)
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT.CNTT và TT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ, TCDNC;
- Lưu: VT, TTPVHCC. TXS.

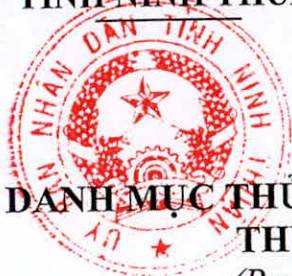
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 09/10/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
16	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 44 đường 16/4 phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	-Nhu trên-

h

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 09/10/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Ủy ban nhân dân cấp huyện	75.000 đồng/trường hợp	Quyết định số 1872/QĐ-BTP ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	1.500.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết	-Nhu trên-	75.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-

b

		không quá 03 ngày làm việc			
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	1.500.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	-Nhu trên-	-Nhu trên-	- 75.000 đồng/ trường hợp - 1.500.000 đồng/ trường hợp	-Nhu trên-
6	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên	-Nhu trên-	75.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
7	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	75.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
8	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ	-Nhu trên-	75.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-

		tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.			
9	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	75.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	-Nhu trên-	-Nhu trên-	75.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 3 ngày	-Nhu trên-	75.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-

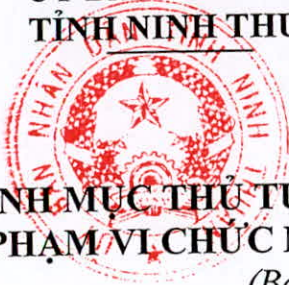
	hộ tịch)	làm việc			
12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	<p>- 05 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> <p>- Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày</p>	<p>- Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã đăng ký khai sinh trước đây thực hiện đăng ký lại khai sinh.</p> <p>- Trường hợp việc khai sinh trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì việc đăng ký lại khai sinh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trên thực hiện.</p> <p>- Trường hợp khai sinh trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì việc đăng ký lại khai sinh do Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu thực hiện; nếu người đó không cư trú tại Việt Nam thì do Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư</p>	75.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-

b

			pháp thực hiện.		
13	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	-Nhu trên-	75.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	-Nhu trên-	-Nhu trên-	1.500.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
15	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc	-Nhu trên-	75.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
16	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	-Nhu trên-	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	-Nhu trên-

h

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC III
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Ủy ban nhân dân cấp xã	5.000 đồng/trường hợp	Quyết định số 1801/QĐ-BTP ngày 24/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
2	Đăng ký kết hôn	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc	-Nhu trên-	Miễn phí	-Nhu trên-

h

3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc	-Nhu trên-	15.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	-Nhu trên-	-Nhu trên-	- 5.000 đồng/trường hợp - 15.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
5	Đăng ký khai tử	Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	-Nhu trên-	- Đối với trường hợp đăng ký tử không đúng hạn: 5.000 đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký đúng hạn	-Nhu trên-
6	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 5.000đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký đúng hạn	-Nhu trên-
7	Đăng ký kết hôn lưu động	-Nhu trên-	-Nhu trên-	Miễn lệ phí	-Nhu trên-

8	Đăng ký khai tử lưu động	-Nhu trên-	-Nhu trên-	- Đối với trường hợp đăng ký khai tử không đúng hạn: 5.000đồng/trường hợp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký đúng hạn	-Nhu trên-
9	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	Miễn lệ phí	-Nhu trên-
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	-Nhu trên-	-Nhu trên-	-Nhu trên-
11	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	-Nhu trên-	15.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải xác minh thì thời	-Nhu trên-	15.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-

		hạn giải quyết không quá 23 ngày			
13	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	-Nhu trên-	5.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	-Nhu trên-	5.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
15	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	-Nhu trên-	30.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
16	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc	-Nhu trên-	5.000 đồng/trường hợp	-Nhu trên-
17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	-Nhu trên-	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	-Nhu trên-